

Số: 41/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 15 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu - chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét Báo cáo số 559/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi năm 2016 và dự kiến dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn, dự toán thu - chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 như sau:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn	: 1.650.000	triệu đồng
<i>Bao gồm:</i>		
1.1. Thu trong cân đối	: 1.623.000	triệu đồng.
- Thu nội địa	: 1.604.000	triệu đồng.
- Thu thuế xuất, nhập khẩu	: 19.000	triệu đồng.
1.2. Thu được để lại chi quản lý qua NSNN	: 27.000	triệu đồng.
2. Tổng thu ngân sách địa phương	: 5.323.330	triệu đồng
<i>Bao gồm:</i>		
2.1. Các khoản thu cân đối NSDP	: 5.296.330	triệu đồng.
a. Nguồn thu cố định và điều tiết	: 1.483.380	triệu đồng.

- Thu hưởng 100% với ngân sách TW	:	779.460	triệu đồng.
- Thu hưởng theo tỷ lệ phân chia với NSTW	:	703.920	triệu đồng.
b. Thu bổ sung từ ngân sách TW	:	3.812.950	triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối	:	3.059.715	triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu	:	753.235	triệu đồng.
2.2. Các khoản thu quản lý qua NSNN	:	27.000	triệu đồng.
3. Tổng chi ngân sách địa phương	:	5.323.330	triệu đồng

Bao gồm:

3.1. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	:	5.296.330	triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển	:	1.297.751	triệu đồng.
<i>Trong đó:</i> + Chi trả nợ vay	:	104.524	triệu đồng.
+ Sự nghiệp GDĐT & dạy nghề	:	102.000	triệu đồng.
+ Sự nghiệp Khoa học & công nghệ	:	30.000	triệu đồng.
- Chi thường xuyên	:	3.732.525	triệu đồng.
<i>Trong đó:</i> + Sự nghiệp GDĐT & dạy nghề	:	1.624.390	triệu đồng.
+ Sự nghiệp Khoa học & công nghệ	:	10.710	triệu đồng.
- Chi tạo nguồn để thực hiện CCTL	:	23.390	triệu đồng.
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	:	1.000	triệu đồng.
- Chi dự phòng	:	106.807	triệu đồng.
- Chi Chương trình MTQG	:	134.857	triệu đồng.
3.2. Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN	:	27.000	triệu đồng.

4. Phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017

4.1. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh như Biểu số 01 đính kèm.

4.2. Dự toán chi của từng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo lĩnh vực như Biểu số 02 đính kèm. Trong đó dự toán chi thường xuyên của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh là 17.472 triệu đồng.

4.3. Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho các huyện, thị xã như Biểu số 03 đính kèm.

Điều 2. Các giải pháp chính:

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế trích kinh phí để chi trả cho các đối tượng có liên quan đến công tác thu vượt dự toán. Phân trích hỗ trợ chi phí này giao cho cơ quan Tài chính trình UBND các cấp tính toán, hỗ trợ một cách hợp lý trên cơ sở số thu vượt dự toán và số chi phí phục vụ công tác thu hàng năm từ nguồn tăng thu của các cấp ngân sách được hưởng.

2. Nhằm tăng thu cho ngân sách, tránh thất thoát các nguồn thu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và thanh toán qua Kho bạc nhà nước. Cho phép tiếp tục thực hiện cơ chế ủy nhiệm cho Kho

bạc nhà nước thu thuế giá trị gia tăng của các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn khi thực hiện thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc nhà nước. Giao cơ quan Tài chính tính toán trình UBND các cấp có mức chi phí hỗ trợ hợp lý cho Kho bạc nhà nước để thực hiện nhiệm vụ thu này.

3. Ngân sách các cấp trích 20% nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2017 để tạo lập, bổ sung nguồn vốn cho Quỹ Phát triển đất.

4. Trích 1% tổng chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để chuyển vào Quỹ thi đua, khen thưởng tập trung của tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện thắng lợi dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với kinh phí chưa phân bổ, kinh phí Trung ương bổ sung trong năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi phân bổ đến đơn vị sử dụng và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Vp: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng TH, HSKH..



Lê Diễn

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	2,926,627
A	Chi cân đối ngân sách	2,153,292
I	Chi đầu tư phát triển:	472,780
	Trong đó: - Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	86,000
	- Chi khoa học công nghệ	30,000
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	340,680
	Trong đó: Trả nợ vay KCHKM	104,524
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	500
3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	66,600
	Trong đó: Trích lập Quỹ phát triển đất	14,800
4	Chi đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	20,000
5	Chi đầu tư từ nguồn khác (*)	45,000
II	Chi thường xuyên:	1,607,885
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	377,297
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	8,045
3	Chi sự nghiệp môi trường	11,709
4	Chi an ninh quốc phòng	52,363
5	Chi sự nghiệp y tế & Dân số KHHGD	505,778
6	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin	21,647
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	18,156
8	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	5,071
9	Chi sự nghiệp kinh tế	182,943
10	Chi quản lý hành chính	327,652
11	Chi đảm bảo xã hội	49,338
12	Chi khác ngân sách	47,886
13	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	
III	Chi tạo nguồn để thực hiện CCTL	23,390
IV	Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1,000
V	Dự phòng	48,237
B	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
C	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	753,235
I	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	134,857
II	Chi chương trình, nhiệm vụ	618,378
1	Vốn đầu tư	611,721
2	Vốn sự nghiệp	6,657
D	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	20,100

(*) Tăng thu dự toán 2017 của địa phương so trung ương

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi NSNN năm 2017														Nhiệm vụ, chính sách có mục tiêu của TW	Chi CTMT quốc gia
		Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)															
		Tổng chi	Tổng số	Gồm													
Chi QLHC	Giáo dục & Đào tạo			Y tế	Văn hóa thông tin	Đảm bảo xã hội	Khoa học công nghệ	Phát thanh truyền hình	Thể dục Thể thao	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
37	Sở Công thương	11,484	11,484	6,891	49	-	-	-	-	-	-	-	4,544	-	-	-	-
38	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	66,735	66,735	25,816	318	-	-	-	-	-	-	-	40,601	-	-	-	-
39	Sở Giáo dục - Đào tạo	295,157	295,157	6,299	288,858	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Trường Cao đẳng cộng đồng (sẽ thực hiện phân bổ khi thành lập)</i>	40,000	40,000		40,000												
40	Hội Văn học nghệ thuật	2,223	2,223	-	8	-	2,215	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
41	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	28,761	28,761	5,727	3,958	-	14,005	-	-	-	5,071	-	-	-	-	-	-
42	Sở Tài nguyên - Môi trường	26,890	26,890	6,472	102	-	-	-	-	-	-	4,994	15,322	-	-	-	-
43	Hội Cựu chiến binh	3,335	3,335	3,324	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Hội Luật gia (Hỗ trợ KP hoạt động)	50	50													50	
45	Đoàn Luật sư (Hỗ trợ KP hoạt động)	50	50													50	
46	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (KP hoạt động đại biểu HĐND không chuyên trách)	20	20	20													
47	Tòa án nhân dân tỉnh (KP hoạt động đại biểu HĐND không chuyên trách)	20	20	20													
48	Ban quản lý Dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT tỉnh Đắk Nông	1,000	1,000										1,000				
49	Ban quản lý công viên địa chất núi lửa Krông Nô (hỗ trợ kinh phí hoạt động)	120	120	120													
50	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Nông (hỗ trợ kinh phí hoạt động)	300	300	300													
51	Cục Thi hành án dân sự tỉnh (Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự)	30	30													30	
52	Liên đoàn lao động tỉnh (KP hoạt động đại biểu HĐND không chuyên trách)	20	20	20													
53	Ban quản lý dự án 3EM	390	390										390				
54	Tỉnh ủy	89,200	89,200	82,730	4,170	2,300											
55	Công an tỉnh	11,138	11,138														
56	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	32,203	32,203						1,160								
	<i>Trong đó: Kinh phí đoàn đại biểu đi thăm huyện đảo Trường Sa</i>	1,160	1,160						1,160								
57	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	8,938	8,938														
58	Trường Quân sự địa phương	5,354	5,354		5,354												
59	Trung đoàn 994	1,000	1,000														
60	Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đắk Nông	1,000	1,000										1,000				
61	Bảo hiểm xã hội tỉnh (Mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định)	196,947	196,947	-	-	195,447	-	1,500									
	<i>Mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định</i>	195,447	195,447			195,447											
	<i>Tiền tết theo chế độ của tỉnh cho các đối tượng</i>	1,500	1,500					1,500									
62	Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Đắk Nông	190	190										190				
63	BQL RPH Thác Mơ	1,560	1,560	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,560	-	-	-	-
64	BQL RPH Nam Cát Tiên	1,423	1,423	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,423	-	-	-	-

Dự toán chi NSNN năm 2017																	
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)														Nhiệm vụ, chính sách có mục tiêu của TW	Chi CTMT quốc gia
		Tổng chi	Tổng số	Gồm													
				Chi QLHC	Giáo dục & Đào tạo	Y tế	Văn hóa thông tin	Đảm bảo xã hội	Khoa học công nghệ	Phát thanh truyền hình	Thể dục Thể thao	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
65	BQL RPH Vành đai Biên giới	1,796	1,796											1,796			
66	BQL RPH Đắk Măng (dự kiến thành lập 2017)	1,000	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	-	-	-
67	BQL RPH Gia Nghĩa (mới thành lập)	1,000	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	-	-	-
68	Công ty TNHH MTV LN Đắk Wil (kinh phí theo Quyết định 2242/QĐ-TTg)	4,699	4,699											4,699			
69	Công ty TNHH MTV LN Quảng Sơn (kinh phí theo Quyết định 2242/QĐ-TTg)	1,039	1,039											1,039			
70	Công ty TNHH MTV LN Đức Hòa (kinh phí theo Quyết định 2242/QĐ-TTg)	905	905											905			
71	Công ty TNHH MTV Nam Nung (kinh phí theo Quyết định 2242/QĐ-TTg)	122	122											122			
72	Công ty TNHH MTV ĐTPPT Đại Thành (kinh phí theo Quyết định 2242/QĐ-TTg)	2,828	2,828											2,828			
73	Công ty TNHH MTV LN Nam Tây Nguyên (kinh phí theo Quyết định 2242/QĐ-TTg)	3,245	3,245											3,245			
74	Công ty TNHH MTV LN Đắk N'Tao (kinh phí theo Quyết định 2242/QĐ-TTg)	1,383	1,383											1,383			
75	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi (thủy lợi phi)	35,611	35,611											35,611			
76	Công ty CP Cấp nước và Phát triển đô thị Đắk Nông (Cấp bù giá nước sạch sinh hoạt)	2,646	2,646											2,646			
77	Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học (cấp sách giáo khoa, vở cho học sinh chính sách theo Nghị quyết 31 của HĐND tỉnh)	14,000	14,000		14,000												
78	Các nhiệm vụ, chính sách do địa phương ban hành (thực hiện phân bổ khi chính sách được ban hành và xác định đơn vị đảm nhận nhiệm vụ), trong đó:	98,763	98,763		30,021		1,500	22,344				4,500	35,398	5,000			
-	Chính sách giảm nghèo đặc thù đồng bào DTTS tại chỗ	7,402	7,402										7,402				
-	Xác định vùng cấm tại vành đai biên giới	5,000	5,000											5,000			
-	Chia tách trường lớp, phát triển nguồn nhân lực	30,021	30,021		30,021												
-	Hỗ trợ tiền, quà tết Nguyên đán cho đối tượng chính sách, các đơn vị TW đóng chân trên địa bàn	8,494	8,494					8,494									
79	Quỹ Đầu tư phát triển (Cấp bù lãi suất)	537	537										537				
80	Quỹ Bảo trì đường bộ	10,000	10,000										10,000				
81	Quỹ Hỗ trợ Hợp tác xã	1,000	1,000										1,000				
82	Quỹ Hỗ trợ nông dân	1,000	1,000										1,000				
83	Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	5,000	5,000			5,000											
84	Quỹ Bảo vệ môi trường	1,000	1,000									1,000					
85	Quỹ quay vòng vốn về sinh hộ gia đình	1,360	1,360					1,360									
86	Quỹ cho vay xóa đói giảm nghèo	3,500	3,500					3,500									
87	Quỹ cho vay giải quyết việc làm	3,000	3,000					3,000									
88	Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh	1,500	1,500	1,500													
89	Chi hoàn trả các khoản về thuế	20,000	20,000												20,000		

Dự toán chi NSNN năm 2017																	
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)														Nhiệm vụ, chính sách có mục tiêu của TW	Chi CTMT quốc gia
		Tổng chi	Tổng số	Gồm													
				Chi QLHC	Giáo dục & Đào tạo	Y tế	Văn hóa thông tin	Đảm bảo xã hội	Khoa học công nghệ	Phát thanh truyền hình	Thể dục Thể thao	Môi trường	Kinh tế	ANQP	Chi khác		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
90	Phân giảm chi (lương và chi thường xuyên) ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách theo quy định của trung ương do thực hiện cơ chế giá dịch vụ và học phí	28,806	28,806		2,734	26,072											
91	Chi khác ngân sách	23,000	23,000												23,000		
92	Trung ương bổ sung có mục tiêu chờ phân bổ khi có hướng dẫn chi tiết	37,656	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,657	30,999
-	<i>Vốn ngoài nước</i>	6,250	-													6,250	
-	<i>Vốn trong nước</i>	31,406	-													407	30,999
	Tổng Cộng	1,645,541	1,607,885	327,652	377,297	505,778	21,647	49,338	8,045	18,156	5,071	11,709	182,943	52,363	47,886	6,657	30,999

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH
TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ THUỘC TỈNH NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41 /NQ-HĐND ngày 15 / 12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi NS huyện	Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện, thị xã			
					Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Trong đó: vốn ngoài nước
A	B	1	2	3	4 = 3 - 2	5	6	7
	Tổng số	1,650,000	498,200	2,396,704	1,898,504	1,732,882	165,622	
1	Thị xã Gia Nghĩa	692,950	136,867	261,929	125,062	91,872	33,190	
2	Huyện Cư Jút	187,610	55,804	330,441	274,637	256,866	17,771	
3	Huyện Krông Nô	71,790	41,464	345,481	304,017	284,656	19,360	
4	Huyện Đắk Mil	100,100	72,920	375,286	302,366	285,194	17,173	
5	Huyện Đắk Song	83,075	49,528	279,615	230,087	211,946	18,141	
6	Huyện Đắk R'lấp	300,720	90,964	308,889	217,925	204,527	13,398	
7	Huyện Đắk Glong	162,855	27,611	261,836	234,225	214,648	19,577	
8	Huyện Tuy Đức	50,900	23,042	233,227	210,185	183,174	27,012	